

Số: 172 /QĐ-SCT

Bình Định, ngày 27 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về tiêu chí, thang điểm
thi đua của Khối thi đua các DN thuộc lĩnh vực
dệt may, da giày, hàng tiêu dùng

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 3501/QĐ-UBND, ngày 08/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh và ủy quyền cho các đơn vị, địa phương thành lập cụm, khối thi đua;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-SCT ngày 31/3/2017 của Sở Công Thương về việc thành lập Khối thi đua các DN thuộc lĩnh vực dệt may, da giày, hàng tiêu dùng; Quyết định 147/QĐ-SCT ngày 13/10/2017 của Sở Công Thương về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khối thi đua các DN thuộc lĩnh vực dệt may, da giày, hàng tiêu dùng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí, thang điểm thi đua của Khối thi đua các DN thuộc lĩnh vực dệt may, da giày, hàng tiêu dùng.

Điều 2. Quyết định này được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các Phòng Quản lý Công nghiệp, Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu, Phòng Kỹ thuật An toàn - Môi trường, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp trong Khối thi đua và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. fat

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐ TĐKT tỉnh;
- LĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

chuck



Mãn Ngọc Lý

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, thang điểm thi đua của Khối thi đua các doanh nghiệp
thuộc lĩnh vực dệt may, da giày, tiêu dùng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 172/QĐ-SCT, ngày 23/ 11 /2017 của Sở Công Thương)

I. BẢNG ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ

Tổng cộng 1.000 điểm, trong đó: điểm chuẩn là 970 điểm; điểm cộng là 30 điểm.

* Điểm chuẩn: 970 điểm, trong đó:

+ Nội dung 1: 650 điểm

+ Nội dung 2: 150 điểm

+ Nội dung 3: 100 điểm

+ Nội dung 4: 70 điểm

TT	TIÊU CHÍ	Các căn cứ để chấm điểm thi đua				Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Thành điểm	
		TH năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %					
					TH/KH					So với năm trước
1	NỘI DUNG 1: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD						650			
1.1	Doanh thu thuần hoạt động SXCN (Tỷ đồng)									
	<i>Năm xét cao hơn năm trước liền kề.</i>						200			
	<i>Năm xét bằng năm trước liền kề.</i>						150			
	<i>Năm xét thấp hơn năm trước liền kề.</i>						0			
1.2	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)									
	<i>Năm xét cao hơn năm trước liền kề.</i>						100			
	<i>Năm xét bằng năm trước liền kề.</i>						50			
	<i>Năm xét thấp hơn năm trước liền kề.</i>						0			
1.3	Doanh thu (Tỷ đồng)									
	<i>Năm xét cao hơn năm trước liền kề.</i>						100			
	<i>Năm xét bằng năm trước liền kề.</i>						50			
	<i>Năm xét thấp hơn năm trước liền kề.</i>						0			
1.4	Lợi nhuận (Tỷ đồng)									
	<i>Năm xét cao hơn năm trước liền kề.</i>						100			
	<i>Năm xét bằng năm trước liền kề.</i>						50			
	<i>Năm xét thấp hơn năm trước liền kề.</i>						0			
1.5	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)									
	<i>Năm xét cao hơn năm trước liền kề.</i>						100			

TT	TIÊU CHÍ	Các căn cứ để chấm điểm thi đua					Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Thành điểm
		TH năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %					
					TH/KH	So với năm trước				
	<i>Năm xét bằng năm trước liền kề</i>						50			
	<i>Năm xét thấp hơn năm trước liền kề</i>						0			
1.6	Mô hình, nhân tố mới; sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả trong SXKD									
	<i>Có</i>						50			
	<i>Không</i>						0			
II	NỘI DUNG 2: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước						150			
1	Nộp Ngân sách nhà nước (tỷ đồng) (có xác nhận của cơ quan Thuế)									
	<i>Nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế phải nộp vào NSNN</i>						30			
	<i>Không nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế phải nộp vào NSNN</i>						0			
2	Thực hiện chế độ BHXH cho người lao động (có xác nhận của cơ quan BHXH)									
	<i>Đóng BHXH $\geq 70\%$/tổng số lao động</i>						30			
	<i>Đóng BHXH từ 50% - dưới 70%/tổng số lao động</i>						20			
	<i>Đóng BHXH từ 30% - dưới 50%/tổng số lao động</i>						10			
	<i>Đóng BHXH dưới 30%/tổng số lao động</i>						0			
3	Công tác An toàn vệ sinh lao động									
	<i>Thực hiện tốt các quy định về ATVSLĐ; Không có vụ việc xảy ra</i>						20			
	<i>Thực hiện không tốt các quy định về ATVSLĐ, có vụ việc xảy ra</i>						0			
4	Công tác Phòng chống cháy nổ									
	<i>Thực hiện tốt các quy định về PCCN, không có vụ việc xảy ra</i>						20			
	<i>Thực hiện không tốt các quy định về PCCN, có vụ việc xảy ra</i>						0			
5	Công tác bảo vệ môi trường									
	<i>Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, không có vụ việc xảy ra;</i>						20			
	<i>Thực hiện không tốt các quy định về bảo vệ môi trường, có vụ việc xảy ra</i>						0			
6	Xếp loại An toàn về an ninh trật tự									
	<i>Xuất sắc</i>						15			
	<i>Khá</i>						10			

TT	TIÊU CHÍ	Các căn cứ để chấm điểm thi đua				Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Thành điểm	
		TH năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %					
					TH/KH					So với năm trước
	<i>Trung bình</i>					0				
7	Công tác xã hội, từ thiện									
	<i>Tốt (tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện)</i>					15				
	<i>Khá (có tham gia ủng hộ 02 quỹ: Đền ơn đáp nghĩa và Quỹ vì người nghèo)</i>					5				
	<i>Không tham gia</i>					0				
III	NỘI DUNG 3: Xây dựng tổ chức Đảng và các Đoàn thể					100				
1	Xếp loại tổ chức Đảng									
	<i>Trong sạch, vững mạnh</i>					40				
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ</i>					30				
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>					0				
2	Xếp loại tổ chức Công đoàn									
	<i>Vững mạnh xuất sắc</i>					40				
	<i>Vững mạnh</i>					30				
	<i>Khá</i>					10				
	<i>Trung bình</i>					0				
3	Xếp loại Đoàn Thanh niên									
	<i>Vững mạnh xuất sắc</i>					20				
	<i>Vững mạnh</i>					10				
	<i>Tiến tiến</i>					20				
	<i>Trung bình</i>					0				
IV.	NỘI DUNG 4: Tổ chức triển khai và thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng					70				
1	Đăng ký giao ước thi đua và tổ chức phát động phong trào thi đua hàng năm									
	<i>Có thực hiện</i>					20				
	<i>Không thực hiện</i>					0				
2	Công tác xét khen thưởng đảm bảo công khai, chính xác, kịp thời và có hướng dẫn cụ thể về khen thưởng cho người lao động									
	<i>Tốt</i>					15				
	<i>Khá</i>					10				
3	Bổ trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng; hàng năm tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do các cấp tổ chức									
	<i>Tốt</i>					15				

TT	TIÊU CHÍ	Các căn cứ để chấm điểm thi đua					Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Thành điểm
		TH năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %					
					TH/KH	So với năm trước				
	<i>Khá</i>						10			
4	Tham gia đầy đủ các hoạt động và các phong trào thi đua do Khối tổ chức									
	<i>Tham gia đầy đủ</i>						10			
	<i>Tham gia chưa đầy đủ</i>						10			
	<i>Không tham gia</i>						0			
5	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng quy định									
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định.</i>						10			
	<i>Báo cáo đầy đủ nhưng không đúng thời gian quy định.</i>						10			
	<i>Không báo cáo</i>						0			
	TỔNG CỘNG						970			

II. QUY ĐỊNH ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ

1. Điểm cộng: 30 điểm

- Doanh thu thuần hoạt động SXCN
Nếu tăng từ 15% trở lên so với năm trước liền kề: cộng 5 điểm
- Doanh thu:
Nếu tăng từ 15% trở lên so với năm trước liền kề: cộng 5 điểm
- Lợi nhuận:
Nếu tăng 15% trở lên so với năm trước liền kề: cộng 5 điểm
- Thu nhập bình quân của NLĐ
Nếu tăng từ 10% trở lên so với năm trước liền kề được cộng 5 điểm
- Tham gia tất cả các hoạt động do Khối tổ chức: cộng 5 điểm
- Đơn vị có tổ chức Đảng hoặc Công đoàn: cộng 5 điểm

2. Điểm trừ:

1. Bị lập biên bản vi phạm các quy định về quản lý Nhà nước: trừ 5 điểm/01 biên bản
2. Bị phạt cảnh cáo hoặc xử phạt tiền : trừ 5 điểm (đối với tất cả các mức phạt)
3. Không tham gia đầy đủ các hoạt động do Khối tổ chức: trừ 2 điểm/01 hoạt động

III. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT CỜ THI ĐUA

- Đơn vị để xảy ra biểu tình, đình công, khiếu kiện vượt cấp.
- Nợ lương người lao động từ 03 tháng liên tục trở lên.
- Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- Để xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ hoặc xảy ra chết người.
- Không đăng ký thi đua và không có báo cáo kết quả tự chấm điểm thi đua theo các tiêu chí thi đua đã được Sở Công Thương ban hành.

**IV. SỐ LƯỢNG CỜ THI ĐUA PHÂN BỐ CHO KHỎI THI ĐUA THUỘC
LĨNH VỰC DỆT MAY, DA GIÀY, TIÊU DÙNG: 1 Cờ**

V. HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TẶNG CỜ THI ĐUA

- Hồ sơ đề nghị tặng Cờ Thi đua của UBND tỉnh, doanh nghiệp gửi về Sở Công Thương gồm:


- + Văn bản đề nghị tặng Cờ thi đua của đơn vị.
- + Biên bản họp Hội đồng TĐ-KT của đơn vị.
- + Kết quả chấm điểm thi đua theo các tiêu chí đã ban hành.

Báo cáo thành tích về kết quả đạt được trong phong trào thi đua, trong SXKD và các mặt hoạt động của đơn vị. Nêu những thành tích nổi bật theo các tiêu chí có so sánh với kế hoạch năm và so với năm trước liền kề.

Hồ sơ lập thành 02 bộ gửi về Sở Công Thương (qua Văn phòng Sở) trước ngày 15/01 của năm liền kề sau năm xét Cờ thi đua.

Căn cứ kết quả xét tặng Cờ thi đua, Sở Công Thương sẽ thông báo và hướng dẫn đơn vị đủ điều kiện đề nghị tặng Cờ thi đua hoàn thành các thủ tục tiếp theo để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc phát sinh, Văn phòng phối hợp với các phòng liên quan thuộc Sở đề xuất Giám đốc Sở để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

GIÁM ĐỐC


Man Ngọc Lý